

Bản án số: **52/2021/DS-ST**

Ngày: 26/4/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Quách Trung Sơn**  
2. Ông **Huỳnh Văn Dũng**
- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Luân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Bình** – Kiểm sát viên.

Ngày **26** tháng **4** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 471/2020/TLST-DS ngày 26/11/2020 về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐST-DS ngày 29/3/2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** 1/ Chị **Mai Thị Hồng A**, sinh năm 1984.

2/ Anh **Lê Văn Th**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Tiền Giang.

**\* Bị đơn:** 1/ Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962.

2/ Ông **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Tiền Giang.

(Chị A có mặt; bà T, ông Đ vắng mặt không lý do; anh Th có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị Hồng A trình bày:

Ngày 10/11/2015 âm lịch chị A và anh Th cho bà T và ông Đ vay số tiền 47.000.000 đồng, không tính lãi, khi vay bà T đại diện vợ chồng ký tên trong biên

nhận nợ, thời hạn trả nợ 01 năm, khi đến hạn trả nợ bà T và ông Đ không trả kéo dài cho đến nay.

Do đó, chị A và anh Th yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả số tiền 47.000.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Trước đây chị A và anh T có yêu cầu ông Bùi Văn Đ có nghĩa vụ cùng trả nhưng nay chị A xin rút lại không yêu cầu.

Về chi phí tố tụng: Chị A và anh Th yêu cầu bà T phải hoàn trả lại chi phí tố tụng giám định chữ ký với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), do kết luận giám định đã chứng minh được yêu cầu của nguyên đơn là đúng.

\* Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn Đ trình bày:

Bà T và ông Đ chỉ vay của chị A số tiền 33.000.000 đồng đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè giải quyết bằng bản án số 220/2018/DSST ngày 19/11/2018, sau khi xét xử xong thì bà T và ông Đ đã trả xong số tiền vay 33.000.000 đồng cho chị A. Đối với biên nhận nợ ngày 10/11/2015 âm lịch phía chị A cung cấp và khởi kiện thì bà T và ông Đ không có vay số tiền 47.000.000 đồng của chị V và anh Th, đồng thời bà T không có ký tên trong biên nhận nợ này.

Do đó, nay bà T và ông Đ không đồng ý trả số tiền 47.000.000 đồng cho chị A và anh Th vì không có nợ số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng và luật sư tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến kiến nghị gì.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đủ căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 161 bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 473, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn chị Mai Thị Hồng A và anh Lê Văn T đối với ông Bùi Văn Đ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Hồng và anh Lê Văn Th đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bà T trả cho chị A và anh T số tiền vay 47.000.000 đồng và hoàn trả lại chi phí giám định số tiền 6.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Lê Văn Th có đơn xin giải quyết vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn Đ đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th, bà T và ông Đ là có căn cứ đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét, căn cứ vào biên nhận nợ ngày 10/11/2015 do chị A cung cấp nội dung thể hiện vợ chồng anh Lê Văn Th có cho vợ chồng chị, ông Đ mượn số tiền 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng) bà Nguyễn Thị T có ký tên và ghi rõ họ và tên. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án bà không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận nợ ngày 10/11/2015 do bà Tám ký, nhưng căn cứ theo kết luận giám định số 1345/C09B ngày 10/3/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành Phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký mang tên Nguyễn Thị T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị T trên 03 tài liệu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người ký ra.

[3] Mặc khác, bà T cho rằng từ trước đến nay chỉ có vay của chị V 01 lần số tiền 33.000.000 đồng đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 220/2018/DSST ngày 19/11/2018, sau khi xét xử xong thì bà T và ông Đ đã trả xong số tiền vay 33.000.000 đồng cho chị là không có cơ sở. Bởi vì, theo bản án dân sự sơ thẩm số 220/2018/DSST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè chỉ giải quyết đối với số tiền vay 33.000.000 đồng đối với biên nhận nợ ngày 16/8/2017 âm lịch, chứ không có giải quyết đối với biên nhận nợ ngày 10/11/2015 âm lịch số tiền 47.000.000 đồng nên đây là hai khoản tiền vay khác nhau và không cùng biên nhận nợ. Như vậy, có căn cứ để xác định bà T có vay chị và anh Th số tiền 47.000.000 đồng bà T có làm biên nhận nợ và ký tên ngày 10/11/2015 âm lịch cho đến nay vẫn chưa trả cho chị A và anh Th, nên chị A và anh Th khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 47.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn chị A có yêu cầu bà T hoàn trả chi phí tố tụng giám định chữ ký với số tiền 6.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, do trong quá trình giải quyết vụ án bà T không thừa nhận chữ ký của bà trong biên nhận nợ ngày 10/11/2015 âm lịch nên chị A có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định, theo kết luận giám định số 1345/C09B ngày 10/3/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành Phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký là của bà T, nên yêu cầu giám định của chị A là có căn cứ. Do đó, buộc bà T có nghĩa vụ hoàn trả lại chi phí giám định cho bà A và anh Th số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 159, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Theo đơn khởi kiện chị A và anh Th có yêu cầu ông Bùi Văn Đ có nghĩa vụ cùng với bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay 47.000.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả số tiền vay 47.000.000 đồng, không có yêu cầu ông Đ cùng trả. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn không trái pháp luật, đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử

đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Tại phiên toà nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nên hai bên không thỏa thuận được về thời gian trả số tiền 47.000.000 đồng. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền trên do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[7] Xét, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A và anh Th, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, nên bà T phải chịu:  $47.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.350.000 \text{ đồng}$  (Hai triệu ba trăm năm chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 159, Điều 161, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

### **Xử:**

**1.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Mai Thị Hồng A và anh Lê Văn Th về việc không yêu cầu ông Bùi Văn Đ có nghĩa vụ cùng với bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

**2.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Hồng A và anh Lê Văn Th.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Mai Thị Hồng A và anh Lê Văn Th số tiền vay 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Mai Thị Hồng A và anh Lê Văn Th chi phí giám định số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**3.** Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Mai Thị Hồng A và anh Lê Văn Th số tiền 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0004436 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**4.** Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị Hồng A được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Lê Văn Th, bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Văn Khỏe**

